

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/HS-ST

Ngày 03-4-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trường Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Định.

Ông Trần Đình Mạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Kiều Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 04 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2018/TLST - HS ngày 05 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2018/QĐXXST - HS ngày 20 tháng 03 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn A – Sinh năm: 1991, tại Nam Định. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (Nơi cư trú): Xóm P, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn A1 và bà Phạm Thị A2; có vợ là Nguyễn Thị A3 và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị cáo bị bắt ngày 25 tháng 11 năm 2017, bị tạm giữ từ ngày 26 tháng 11 năm 2017 đến ngày 05 tháng 12 năm 2017, bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” theo lệnh số 04 ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện V, tỉnh Nam Định.

2. Phạm Gia B – Sinh năm: 1984, tại Nam Định. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (Nơi cư trú): Xóm P, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ

văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn B1 và bà Trần Thị B2; có vợ là Ngô Thị B3 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị cáo bị bắt ngày 25 tháng 11 năm 2017, bị tạm giữ từ ngày 26 tháng 11 năm 2017 đến ngày 05 tháng 12 năm 2017, bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” theo lệnh số 08 ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện V, tỉnh Nam Định.

3. Trần Văn C – Sinh năm: 1984, tại Nam Định. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Á, xã Á, huyện L, tỉnh Hòa Bình, nơi cư trú: Xóm P, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đình C1 và bà Nguyễn Thị C2; có vợ là Phạm Thị C3 và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị cáo bị bắt ngày 25 tháng 11 năm 2017, bị tạm giữ từ ngày 26 tháng 11 năm 2017 đến ngày 05 tháng 12 năm 2017, bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” theo lệnh số 02 ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện V, tỉnh Nam Định.

4. Phạm Văn D (Tên gọi khác Phạm Văn D1) – Sinh năm: 1969, tại Nam Định. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (Nơi cư trú): Xóm P, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn D2 và bà Bùi Thị D3; có vợ là Phạm Thị D4 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị cáo bị bắt ngày 25 tháng 11 năm 2017, bị tạm giữ từ ngày 26 tháng 11 năm 2017 đến ngày 05 tháng 12 năm 2017, bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” theo lệnh số 05 ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện V, tỉnh Nam Định.

5. Phạm Văn K – Sinh năm: 1972, tại Nam Định. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (Nơi cư trú): Xóm P, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Xuân K1 và bà Phạm Thị K2; có vợ là Phạm Thị K3 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị cáo bị bắt ngày 25 tháng 11 năm 2017, bị tạm giữ từ ngày 26 tháng 11 năm 2017 đến ngày 05 tháng 12 năm 2017, bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” theo lệnh số 01 ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện V, tỉnh Nam Định.

6. Phạm Hồng Đ – Sinh năm: 1986, tại Nam Định. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (Nơi cư trú): Xóm P, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Hồng Đ1 và bà Nguyễn Thị Đ2; có vợ là Nguyễn Thị Đ3 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị cáo bị bắt ngày 25 tháng 11 năm 2017, bị tạm giữ từ ngày 26 tháng 11 năm 2017 đến ngày 05 tháng 12 năm 2017,

bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” theo lệnh số 07 ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện V, tỉnh Nam Định.

7. Phạm Văn E – Sinh năm: 1974, tại Nam Định. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (Nơi cư trú): Xóm P, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn E1 và bà Phạm Thị E2; có vợ là Nguyễn Thị E3 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị cáo bị bắt ngày 25 tháng 11 năm 2017, bị tạm giữ từ ngày 26 tháng 11 năm 2017 đến ngày 05 tháng 12 năm 2017, bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” theo lệnh số 06 ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện V, tỉnh Nam Định.

8. Lưu Văn F – Sinh năm: 1992, tại Nam Định. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (Nơi cư trú): Xóm Bái, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Văn F1 và bà Triệu Thị F2; có vợ là Nguyễn Thị F3 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị cáo bị bắt ngày 25 tháng 11 năm 2017, bị tạm giữ từ ngày 26 tháng 11 năm 2017 đến ngày 05 tháng 12 năm 2017, bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” theo lệnh số 09 ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện V, tỉnh Nam Định.

9. Phạm Văn G – Sinh năm: 1987, tại Nam Định. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (Nơi cư trú): Xóm P, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn G1 và bà Phạm Thị G2; có vợ là Hoàng Thị G3 và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị cáo bị bắt ngày 25 tháng 11 năm 2017, bị tạm giữ từ ngày 26 tháng 11 năm 2017 đến ngày 05 tháng 12 năm 2017, bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” theo lệnh số 03 ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện V, tỉnh Nam Định.

(Các bị cáo có mặt).

- Người tham gia tố tụng khác:

+ Người làm chứng:

1. Anh Phạm Việt O – Sinh năm: 1995;
2. Anh Phạm Minh Ô – Sinh năm: 1977;

Cùng có địa chỉ: Xóm P, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

(Anh O, anh Ô vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến ra tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 25 tháng 11 năm 2017, Phạm Văn K sau khi ăn cỗ tại đám cưới ở cùng xóm về thì Phạm Văn A, Phạm Gia B, Trần Văn C lần lượt đến nhà K ngồi uống nước. Trong lúc ngồi chơi và uống nước, cả nhóm rủ nhau chơi đánh bạc ăn tiền bằng hình thức đánh lốc. A lấy 01 chiếc chiếu cỏi của gia đình K đem vào trong bếp ăn trải ra nền nhà; B lấy 01 bộ bài tú lơ khơ trên cửa sổ trong bếp ăn nhà K. Khi A, Văn, C đang đánh bạc thì Phạm Văn D (tên gọi khác là D1), ở cùng xóm cũng đến nhà K chơi thấy A, B, C đang đánh bạc nên cũng ngồi xuống chiếu tham gia đánh bạc. Khi cả nhóm vừa chia bài xong thì Phạm Hồng Đ ở cùng xóm đến cùng tham gia đánh bạc nên tất cả nhóm A, B, C, D, Đ chuyển sang đánh liêng ăn tiền. Sau đó Phạm Văn E ở cùng xóm, Lưu Văn F ở xóm Bái, Phạm Văn G và Phạm Văn H ở cùng xóm lần lượt đến nhà K và cùng tham gia đánh bạc ăn tiền bằng hình thức đánh liêng.

Cách chơi như sau: Dùng bộ bài tú lơ khơ 52 cây chia cho mỗi người ba cây. Có bốn hình thức tính điểm, đầu tiên là tính nước trong trường hợp ba cây tú lơ khơ là ba cây bất kỳ trong 52 cây, trong đó cây 10, J, Q, K đều tính là 0 nước, cây A tính là 1 nước, cao nhất là 9 nước, thấp nhất là 0 nước, cộng số 3 cây bài được chia vào với nhau lấy số cuối của tổng số 3 cây bài tính làm nước. Thứ hai là trường hợp ba cây bài có thứ tự liên tiếp nhau cao nhất là QKA, thấp nhất là 123 (gọi là liêng). Thứ ba là ảnh là trường hợp ba cây bài được chia mà các cây bài lần lượt đều là J, Q hoặc K (ví dụ JJQ, JQQ, QQK). Thứ tư là sấp là cả ba cây bài được chia là giống nhau như AAA, 333 to nhất là AAA, thấp nhất là 222. Trong đó cao nhất là sấp, thứ hai là liêng, thứ ba là tranh ảnh, thứ tư là cộng điểm. Mức đặt cược ban đầu là 10.000 đồng, ai không chơi nữa thì úp bài, ai chơi tiếp thì đặt thêm tiền gọi là phạt, có thể phạt nhiều lần nhưng không quá 50.000 đồng cho đến khi ngửa bài. Người thắng là người có số điểm cao nhất hoặc là khi các người chơi khác đã úp hết bài xuống, ai cũng có thể tham gia phạt dù cho họ có bài nước cao hay không có nước.

Trong lúc các đối tượng đang đánh bạc, Phạm Văn K chủ nhà ngủ dậy thấy có người đang đánh bạc ăn tiền tại gian bếp nhà mình, anh K bảo mọi người nghỉ để còn phục vụ đám cưới, thì có người nói cho anh em chơi thêm lúc nữa, vì nể mọi người đều là anh em họ hàng nên anh K không nói gì nữa và ngồi xem họ đánh bạc, không tham gia đánh bạc, cũng không thu tiền hồ, tiền chiếu; tuy nhiên những người chơi đánh bạc mỗi khi có người thắng thì tự nguyện trích ra số tiền 10.000 đ để dưới chiếu khi nào nghỉ chơi sẽ đưa cho anh K, hoặc mua đồ uống. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, khi các con bạc đang sát phạt nhau thì bị Công an huyện V bắt quả tang: Phạm

Văn A, Phạm Gia B, Trần Văn C, Phạm Văn D, Phạm Hồng Đ, Phạm Văn E, Lưu Văn F, Phạm Văn G và Phạm Văn H đang đánh bạc ăn tiền bằng hình thức đánh liêng; thu trên chiếu số tiền sử dụng để đánh bạc là 5.400.000 đ (năm triệu bốn trăm ngàn đồng), trong người các đối tượng tổng số tiền 14.290.000 đ (mười bốn triệu hai trăm chín mươi ngàn đồng), 01 bộ bài tứ lơ khơ 52 cây, một chiếc chiếu cói, 08 điện thoại di động và 03 xe mô tô các loại.

Trong quá trình điều tra, các bị cáo đã khai nhận:

+ Phạm Văn A mang theo 640.000đ để đánh bạc; lúc bị bắt đang thắng khoảng vài chục nghìn đồng, không nhớ đã chơi bao nhiêu ván.

+ Phạm Gia B mang theo 650.000đ để đánh bạc; lúc bị bắt không rõ thắng thua thế nào, đã chơi bao nhiêu ván.

+ Trần Văn C mang theo 1.200.000đ, lấy ra 600.000đ để đánh bạc, nếu thua hết thì nghỉ, số tiền còn lại để mừng đám cưới và chi tiêu cá nhân. Lúc bị bắt đang thắng khoảng 200.000đ, không nhớ đã chơi bao nhiêu ván.

+ Phạm Văn D mang theo khoảng hơn 8.100.000đ, lấy ra 650.000đ để đánh bạc, nếu thua hết thì nghỉ, số tiền còn lại để mua thóc. Lúc bị bắt không rõ thắng thua thế nào, không nhớ đã chơi bao nhiêu ván.

+ Phạm Hồng Đ mang theo khoảng 5.800.000đ, lấy ra 500.000đ để đánh bạc, nếu thua hết thì nghỉ, số tiền còn lại để mua cá nuôi vịt. Lúc bị bắt đang thua nhưng không rõ thua bao nhiêu, không nhớ đã chơi bao nhiêu ván.

+ Phạm Văn E mang theo 550.000đ để đánh bạc; lúc bị bắt không rõ thắng thua thế nào, không nhớ đã chơi bao nhiêu ván.

+ Lưu Văn F mang theo 1.000.000đ, lấy ra 600.000đ để đánh bạc; lúc bị bắt đang hòa tiền, không nhớ đã chơi bao nhiêu ván.

+ Phạm Văn G mang theo 400.000đ để đánh bạc; lúc bị bắt thua khoảng 100.000đ, không nhớ đã chơi bao nhiêu ván.

+ Phạm Văn H mang theo khoảng hơn 1.000.000đ, lấy ra 500.000đ để đánh bạc. Lúc bị bắt đang thắng khoảng 100.000đ, không nhớ đã chơi bao nhiêu ván.

Tại Bản cáo trạng số 06/CT-VKSVB ngày 05-02-2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V đã truy tố Phạm Văn K, Phạm Văn A, Phạm Gia B, Phạm Văn D, Trần Văn C, Phạm Hồng Đ, Phạm Văn E, Lưu Văn F, Phạm Văn G về tội “Đánh bạc” theo quy định tại Khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo K xác định chiếc chiếu cói đã cũ không còn giá trị sử dụng, nên không có nguyện vọng lấy lại và đề nghị tịch thu cho tiêu hủy.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo Phạm Văn K, Phạm Văn A, Phạm Gia B, Phạm Văn D, Trần Văn C, Phạm Hồng Đ, Phạm Văn E, Lưu Văn F, Phạm Văn G về tội “Đánh bạc” như bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

*) Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn K, Phạm Văn A, Phạm Gia B, Phạm Văn D, Trần Văn C, Phạm Hồng Đ, Phạm Văn E, Lưu Văn F, Phạm Văn G phạm tội “Đánh bạc”.

*) Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; Điều 20; Điều 53; điểm h, p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự:

+) Xử phạt Phạm Văn A, Phạm Gia B từ 09 tháng đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi. Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo vì có hoàn cảnh gia đình khó khăn.

+) Xử phạt Trần Văn C, Phạm Văn D (Tên gọi khác Tạo) từ 06 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi. Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo vì có hoàn cảnh gia đình khó khăn.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; Điều 20; Điều 53; điểm h, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46; Điều 31 của Bộ luật hình sự:

+) Xử phạt Phạm Văn K, Phạm Hồng Đ từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giữ trước đó. Miễn khấu trừ một phần thu nhập và miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo vì có hoàn cảnh gia đình khó khăn.

+) Xử phạt Phạm Văn E, Lưu Văn F từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giữ trước đó. Miễn khấu trừ một phần thu nhập và miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo vì có hoàn cảnh gia đình khó khăn.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; Điều 20; Điều 53; điểm h, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46; Điều 30 của Bộ luật hình sự: Xử phạt Phạm Văn G từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ.

*) Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

+) Tịch thu sung quỹ nhà nước 5.400.000đ là số tiền dùng vào mục đích đánh bạc.

+) Trả lại bị cáo D số tiền 7. 500.000đ; Chí số tiền 600.000đ; Đ số tiền 5.290.000đ và F số tiền 400.000đ là số tiền không dùng vào mục đích đánh bạc.

+) Tịch thu cho tiêu huỷ: 52 quân bài tú lơ khơ và chiếc chiếu cói.

*) Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ai ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đánh giá chứng cứ và tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo được chứng minh bằng lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bằng lời khai của những người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thu thập trong quá trình điều tra. Nên có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 23 giờ ngày 25-11-2017 tại bếp ăn nhà Phạm Văn K ở Xóm P, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã bắt quả tang: A, B, C, D, K, Đ, E, F, G đang đánh bạc với hình thức đánh liêng ăn tiền. Thu giữ số tiền trên chiếu sử dụng để đánh bạc là 5.400.000 đ (Năm triệu bốn trăm ngàn đồng), trong người các đối tượng hơn mười bốn triệu đồng, 01 bộ bài tú lơ khơ 52 cây, một chiếc chiếu cói, 08 điện thoại di động và 03 xe mô tô các loại. Hành vi nêu trên của các bị cáo đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại Khoản 1 Điều 248 của Bộ luật hình sự năm 1999.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, là nguyên nhân dẫn đến một số tội phạm khác. Các bị cáo là những người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi đánh bạc của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tư lợi vẫn cố ý thực hiện.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có nên không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng do đó được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Ngoài ra các bị cáo đều có nhân thân tốt và hoàn cảnh gia đình khó khăn, được chính quyền địa phương xác nhận. Bị cáo B có bố là ông Phạm Gia Chất là thương binh loại A, thương tật hạng 2/4, tỷ lệ 61% vĩnh viễn và đang được hưởng trợ cấp hàng tháng theo quyết định về việc trợ cấp hàng tháng đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học của Sở lao động thương binh và xã hội tỉnh Nam Định; Bị cáo A có bố là ông Phạm Văn A1 là thương bị loại A, thương tật hạng 4/4, tỷ lệ thương tật 32 %; Bị cáo K có bố là ông Phạm Văn Thủy được truy tặng huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì; Bị cáo G có con trai là Phạm Hoàng Thiên Vũ mắc bệnh tự kỷ. Do đó HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

[6] Về đường lối xử lý hành vi phạm tội của các bị cáo: Trong vụ án này các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với hình thức bột phát, giản đơn, số lượng tiền dùng vào mục đích đánh bạc không lớn và khoảng thời gian khác nhau; vì vậy căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, vị trí, vai trò trong đồng phạm, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Hội đồng xét xử cần áp dụng hình phạt đối với từng bị cáo ở những mức độ khác nhau như:

Đối với A là người trái chiều, B là người chia bài; C và D đều là những người tham gia đánh bạc ngay từ đầu. Vì vậy cần phải áp dụng hình phạt tù; nhưng xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và nơi cư trú của các bị cáo rõ ràng, nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo mà HĐXX áp dụng Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 và Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06 tháng 11 năm 2013, của Hội đồng thẩm phán hướng dẫn áp dụng Điều 60 của Bộ luật hình sự về án treo; để các bị cáo được hưởng án treo, có sự giám sát của chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú cũng đủ giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Đối với K là chủ nhà, mặc dù không trực tiếp tổ chức lôi kéo, xúi giục, không nhận khoản tiền nào của các bị cáo và không tham gia đánh bạc, khi biết các bị cáo đánh bạc K đã yêu cầu các bị cáo nghỉ, nhưng do nể nang, K không có lời nói và hành động cương quyết nhằm ngăn cản, giải tán việc các đối tượng khác thực hiện hành vi đánh bạc tại nhà mình, không những vậy K còn ngồi lại xem các đối tượng đánh bạc. Như vậy bị cáo K là đồng phạm với vai trò giúp sức cho hành vi đánh bạc của các bị cáo khác. Đối với hành vi của Đ, E, Chiến là những người đến tham gia đánh bạc tiếp theo; vì vậy áp dụng Điều 31 Bộ luật hình sự năm 1999 và Nghị định 60/2000/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2000 quy định về hình phạt cải tạo không giam giữ; để xử các

bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ và giao các bị cáo cho gia đình cùng chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú, để cải tạo, giám sát và giáo dục các bị cáo, khi quyết định hình phạt cải tạo không giam giữ HĐXX xem xét đến thời hạn đã tạm giữ đối với các bị cáo để trừ vào thời gian chấp hành hình phạt. Miễn khấu trừ một phần thu nhập cho các bị cáo vì các bị cáo đều là lao động nông nghiệp, hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Về hình phạt bổ sung: Miễn cho các bị cáo vì có hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Đối với G là đối tượng tham gia đánh bạc ở vai trò thứ yếu; vì vậy áp dụng Điều 30 Bộ luật hình sự năm 1999 phạt tiền là hình phạt chính phù hợp với tính chất, hành vi, vị trí vai trò phạm tội của bị cáo.

Đối với Phạm Văn H là quân nhân chuyên nghiệp thuộc tiểu đoàn 843 Cục tác chiến điện tử Bộ tổng tham mưu - Bộ Quốc phòng, ngày 28 tháng 11 năm 2017 Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện V đã bàn giao Phạm Văn H cùng số tiền 500.000đ mà H dùng để đánh bạc, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu trắng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màn hình đen trắng cho Cơ quan ĐTHS khu vực bộ tổng tham mưu - Bộ quốc phòng để điều tra giải quyết theo thẩm quyền là đúng quy định của pháp luật.

Đối với chị Phạm Thị K3 (là vợ K) - là chủ nhà nhưng trong quá trình các bị cáo đánh bạc tại bếp ăn của nhà mình, chị Hoa đã ngủ nên không biết việc. Vì vậy Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện V không xem xét trách nhiệm hình sự đối với chị Hoa là có căn cứ.

[7] Về xử lý vật chứng:

- 01 bộ bài tú lơ khơ 52 cây, một chiếc chiếu cói là phương tiện để thực hiện hành vi đánh bạc nên cần tịch thu và tiêu hủy.

- Về số tiền 5.400.000 đ thu giữ trên chiếu là số tiền sử dụng để đánh bạc, nên tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Số tiền các bị cáo khi bị bắt thu giữ trong người không dùng vào mục đích đánh bạc trả lại cho các bị cáo gồm: Trả lại cho D 7.500.000đ. Trả lại cho C 600.000đ. Trả lại cho Đ 5.290.000đ. Trả lại cho F 400.000đ.

- Đối với 07 điện thoại di động và 03 xe mô tô các loại được thu giữ, do không liên quan đến việc đánh bạc nên cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho các bị cáo là phù hợp.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Khoản 1, Điều 248 của Bộ luật hình sự năm 1999. Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn A, Phạm Gia B, Trần Văn C, Phạm Văn D (Tên gọi khác D1), Phạm Văn K, Phạm Hồng Đ, Phạm Văn E, Lưu Văn F, Phạm Văn G phạm tội “Đánh bạc”.

2. Hình phạt:

2.1. Áp dụng Khoản 1 Điều 248; Điều 20; Điều 53; Điểm h, p Khoản 1 Điều 46; Khoản 2 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999:

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn A 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 26 tháng 11 năm 2017 đến ngày 05 tháng 12 năm 2017).

- Xử phạt bị cáo Phạm Gia B 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 26 tháng 11 năm 2017 đến ngày 05 tháng 12 năm 2017).

- Xử phạt bị cáo Trần Văn C 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 26 tháng 11 năm 2017 đến ngày 05 tháng 12 năm 2017).

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn D (Tên gọi khác D1) 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 26 tháng 11 năm 2017 đến ngày 05 tháng 12 năm 2017).

Giao các bị cáo Phạm Văn A, Phạm Gia B, Trần Văn C, Phạm Văn D (Tên gọi khác D1) cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Nam Định giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

2.2. Áp dụng Khoản 1 Điều 248; Điều 20; Điều 31; Điều 53; Điểm h, p Khoản 1 Điều 46; Khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999:

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn K 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 26 tháng 11 năm 2017 đến ngày 05 tháng 12 năm 2017 quy đổi bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ; Bị cáo còn phải chấp hành 11 tháng 03

ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Nam Định nhận được quyết định thi hành án và bản án.

- Xử phạt bị cáo Phạm Hồng Đ 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 26 tháng 11 năm 2017 đến ngày 05 tháng 12 năm 2017 quy đổi bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ; Bị cáo còn phải chấp hành 11 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Nam Định nhận được quyết định thi hành án và bản án.

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn E 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 26 tháng 11 năm 2017 đến ngày 05 tháng 12 năm 2017 quy đổi bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ; Bị cáo còn phải chấp hành 08 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Nam Định nhận được quyết định thi hành án và bản án.

- Xử phạt bị cáo Lưu Văn F 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 26 tháng 11 năm 2017 đến ngày 05 tháng 12 năm 2017 quy đổi bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ; Bị cáo còn phải chấp hành 08 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Nam Định nhận được quyết định thi hành án và bản án.

Giao các bị cáo Phạm Văn K, Phạm Hồng Đ, Phạm Văn E, Lưu Văn F cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục.

2.3. Áp dụng Khoản 1 Điều 248; Điều 20; Điều 30; Điều 53; Điểm h, p Khoản 1 Điều 46; Khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Phạm Văn G 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Bị cáo phải nộp tiền phạt một lần kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 5.400.000đ (Năm triệu bốn trăm ngàn đồng).

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 cây, 01 chiếc chiếu cói.

- Trả lại cho: Bị cáo Phạm Văn D (Tên gọi khác D1) số tiền 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng). Bị cáo Trần Văn C số tiền 600.000đ (Sáu trăm ngàn đồng). Bị cáo Phạm Hồng Đ số tiền 5.290.000đ (Năm triệu hai trăm chín mươi ngàn đồng). Bị cáo Lưu Văn F số tiền 400.000đ (Bốn trăm ngàn đồng).

(Vật chứng có đặc điểm, chủng loại như biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 12-02-2018 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Nam Định và theo ủy nhiệm chỉ số 02 ngày 12-02-2018)

4. Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Phạm Văn A, Phạm Gia B, Trần Văn C, Phạm Văn D (Tên gọi khác D1), Phạm Văn K, Phạm Hồng Đ, Phạm Văn E, Lưu Văn F và Phạm Văn G, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

5. Các bị cáo Phạm Văn A, Phạm Gia B, Trần Văn C, Phạm Văn D (Tên gọi khác D1), Phạm Văn K, Phạm Hồng Đ, Phạm Văn E, Lưu Văn F và Phạm Văn G được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện + tỉnh;
- Công an huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Trường Nam